

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN VINA
Số: 07/2020/CBTT/VNSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---o0o---

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA
Mã chứng khoán: không có
Trụ sở chính: Phòng 25.02, Tầng 25 Tòa nhà Deutsches Haus Tp.HCM, 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3520 2388 Fax: 028 3520 2019
Người thực hiện công bố thông tin: Bà Ngô Thị Thu Trang – Trưởng phòng Hành Chính – Nhân sự
Địa chỉ: Phòng 25.02, Tầng 25 Tòa nhà Deutsches Haus Tp.HCM, 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại (Cơ quan): 028 3520 2388 Fax: 028 3520 2019
Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ
Nội dung thông tin công bố:
Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina thông báo công bố Báo cáo thường niên năm 2019.

Địa chỉ trang thông tin điện tử đăng tải toàn bộ báo cáo:

<http://vinasecurities.com/bao-cau-thuong-nien-nam-2019-n316.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 10 tháng 03 năm 2020

**Người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin
TRƯỞNG PHÒNG HÀNH CHÍNH – NHÂN SỰ**



Ngô Thị Thu Trang

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
2019 ANNUAL REPORT

I. THÔNG TIN CHUNG

GENERAL INFORMATION

1. Thông tin khái quát

Overview

Tên giao dịch <i>Trading name</i>	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA <i>VINA SECURITIES JOINT STOCK COMPANY</i>
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh <i>Business License No.</i>	Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 50/UBCK-GPHĐKD ngày 29/12/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp. <i>License of establishment No.50/UBCK-GPHĐ dated 29thDecember 2006 issued by State Commission Securities.</i>
Vốn điều lệ <i>Legal Capital</i>	273,599,980,000 Đồng Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi ba tỷ năm trăm chín mươi chín triệu chín trăm tám mươi nghìn Đồng <i>In words: Two hundred seventy-three billion five hundred ninety-nine million nine hundred eight thousand Vietnam Dongs)</i>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu <i>Capital invested by the Owner</i>	273,599,980,000 Đồng Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi ba tỷ năm trăm chín mươi chín triệu chín trăm tám mươi nghìn Đồng <i>In words: Two hundred seventy-three billion five hundred ninety-nine million nine hundred eight thousand Vietnam Dongs)</i>
Địa chỉ <i>Address</i>	Phòng 25.02, Tầng 25 Tòa nhà Deutsches Haus, 33 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh <i>R25.02, 25F Deutsches Haus, 33 Le Duan St., Ben Nghe Ward, Dist. 1, Ho Chi Minh City</i>
Số điện thoại <i>Telephone</i>	028 3520 2388 Fax: 028 3520 2019
Website	http://www.vinasecurities.com
Mã cổ phiếu (nếu có) <i>Stock code (if any)</i>	Không <i>None</i>

Quá trình hình thành và phát triển

Company's history

12/2006	VinaSecurities được cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán. <i>VinaSecurities was granted the certificate to establish and conduct securities business.</i>
03/2007	VinaSecurities được công nhận là thành viên lưu ký. <i>VinaSecurities was recognized as a depository member.</i>
05/ 2007	VinaSecurities được công nhận là thành viên của Sở Giao Dịch Chứng khoán Hà Nội. <i>VinaSecurities was recognized as a member of the Hanoi Stock Exchange.</i>
08/2007	VinaSecurities được công nhận là thành viên của Sở Giao Dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh. <i>VinaSecurities was recognized as a member of the Ho Chi Minh Stock Exchange.</i>
02/2008	Được chấp nhận nguyên tắc tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng. <i>Adopted the approval of SSC of increasing charter capital to VND 300 billion.</i>
10/2008	Được chấp nhận thành lập chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh. <i>Approved to establish a branch in Ho Chi Minh City.</i>
03/2009	Được chấp nhận cho rút bớt nghiệp vụ tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán và VinaSecurities chính thức hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ. <i>Approved the withdrawal of self-trading and securities issuance guarantee and VinaSecurities officially completed increasing its charter capital to VND 100 billion.</i>
09/2009	VinaSecurities thay đổi trụ sở đặt tại TP Hồ Chí Minh và chi nhánh đặt tại Hà Nội. <i>VinaSecurities changed its headquarters' location to Ho Chi Minh City and its Hanoi office to a branch.</i>
04/2010	VinaCapital chính thức trở thành cổ đông lớn của VinaSecurities. <i>VinaCapital officially became a major shareholder of VinaSecurities.</i>
10/2010	Được chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 185 tỷ đồng. <i>Approved to increase the charter capital to VND 185 billion.</i>

- 10/2010 Ký kết hợp đồng hợp tác toàn diện độc quyền với Công ty chứng khoán Macquarie Capital, thành viên của Tập đoàn Tài chính Toàn cầu Macquarie (MQG).
Signed an exclusive comprehensive cooperation agreement with Macquarie Capital Securities, a member of the global financial corporation Macquarie Group (MQG).
- 05/2011 VinaSecurities đóng cửa chi nhánh tại Hà Nội.
VinaSecurities closed its Hanoi branch.
- 06/2011 VinaSecurities thành lập Văn phòng Đại diện tại Hà Nội.
VinaSecurities established a Representative Office in Hanoi.
- 03/2013 VinaSecurities thay đổi địa điểm văn phòng đại diện tại Hà Nội.
VinaSecurities changed the representative office's location in Hanoi.
- 10/2015 VinaSecurities chấm dứt tư cách thành viên tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM
VinaSecurities terminated its membership at the Ho Chi Minh Stock Exchange
- 11/2015 VinaSecurities chấm dứt tư cách thành viên tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
VinaSecurities terminated its membership at the Hanoi Stock Exchange.
- 11/2015 VinaSecurities đóng cửa văn phòng đại diện Hà Nội.
VinaSecurities closed the Hanoi representative office.
- 12/2015 VinaSecurities chấm dứt tư cách thành viên lưu ký với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
VinaSecurities terminated its depository membership with Vietnam Securities Depository Center.
- 01/2016 VinaSecurities rút nghiệp vụ Môi giới chứng khoán và Lưu ký chứng khoán.
VinaSecurities withdrew securities brokerage and depository services.
- 03/2019 Chuyển đổi toàn bộ cơ cấu cổ đông sang 100% vốn nước ngoài.
Converted shareholder structure to 100% foreign capital.
- 09/2019 Được chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 273.599.980.000 Đồng.
Approved charter capital increase to VND 273,599,980,000.
- 10/2019 Được chấp thuận bổ sung nghiệp vụ kinh doanh môi giới chứng khoán và tự doanh chứng khoán.
Approved additions of securities brokerage and self-trading services.

03/2020

Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thành lập Văn phòng đại diện tại Seoul, Hàn Quốc.

Approved by the State Securities Commission to establish a Representative Office in Seoul, Korea.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Business areas and locations

2.1 Các dịch vụ cung cấp: VinaSecurities tập trung chính vào việc phát triển các sản phẩm sau:

Services provided: VinaSecurities focuses on developing the following products:

a. Tài chính Doanh nghiệp

Corporate Finance

Thị Trường Vốn (ECM):

Enterprise Content Management

- Tư vấn cổ phần hóa.
Consulting equitization.
- Chào bán chứng khoán lần đầu cho công chúng và chào bán ra thị trường thứ cấp.
Initial public offering of securities and secondary market offering.
- Giao dịch chứng khoán cho khách hàng tổ chức
Securities trading for corporate clients
- Các sản phẩm tái cấu trúc tài chính
Products of financial restructuring

Mua bán và sáp nhập công ty (M&A)

Mergers and acquisitions (M&A)

- Tư vấn việc mua bán và sáp nhập công ty (M & A).
Consulting merger and acquisition (M&A).

Thị trường Nợ (DCM)

Debt Capital Market

- Trái phiếu
Bonds
- Tái cấu trúc tài chính
Financial restructuring
- Tài trợ tài chính cho dự án
Financial support for the project

Tư vấn doanh nghiệp

Corporate consultancy

- Tư vấn chiến lược
Strategic consulting
- Tư vấn tái cấu trúc công ty
Restructuring consulting
- Tư vấn mua bán công ty theo cơ chế đòn bẩy tài chính
Companies trading consulting under the mechanism of financial leverage

2.2 Mạng lưới hoạt động

Operation network

VinaSecurities hoạt động ở Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội với các văn phòng như sau:

VinaSecurities operates in Ho Chi Minh City and Hanoi in the following offices:

Trụ sở chính:

Headquarters:

Địa chỉ : Phòng 25.02, Tầng 25 Tòa nhà Deutsches Haus, 33 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Address : Room 25.02, 25th Floor, Deutsches Haus Building, 33 Le Duan, P. Ben Nghe, District 1, Ho Chi Minh City

Điện thoại : (+84) 028 3520 2388

Phone

Văn phòng đại diện Hà Nội:

Representative office in Hanoi:

Địa chỉ : Tầng 16, Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Address : 16th Floor, Charmvit Building, 117 Tran Duy Hung, Cau Giay District, Hanoi

Điện thoại : 0981 191 066

Phone

3. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Management model, business organization and management structure

3.1 Mô hình quản trị: là Công ty Cổ phần có 100% vốn điều lệ được nắm giữ bởi cá nhân nước ngoài và tổ chức nước ngoài.

Management model: is a joint stock company with 100% of charter capital held by foreign individuals and organizations.

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý: bộ máy quản lý của Công ty bao gồm:

Management structure: The Company's management structure includes:

- Đại hội đồng cổ đông
General Meeting of Shareholders
- Hội đồng quản trị

Board of Directors

- Tổng Giám đốc

Chief Executive Officer

3.3 Các công ty con, công ty liên kết: không

Subsidiaries and affiliates: none

4. Định hướng phát triển

Development orientations

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ Main objectives of the Company.

- Hoạt động kinh doanh hướng đến việc tập trung nâng cao khả năng cạnh tranh thông qua dịch vụ đa dạng, chất lượng cao và hiệu quả. Bên cạnh đó, công tác quản lý nguồn vốn và quản trị rủi ro được cho là ưu tiên hàng đầu đối với hoạt động dịch vụ cho vay tài chính và sản phẩm cấu trúc.

Business activities aim to have direct focus to competition on high quality, diversified and efficient services. Besides, capital usage and risk management are still considered top priorities for financing loan and structured products related services.

- Chỉ tiêu chính/ Key targets:

- o Số điểm giao dịch: 2-3 chi nhánh

Number of Branches, Transaction Office, Representative Office: 2-3 branches

- o Mở 1 văn phòng đại diện ở Hàn Quốc

Open a representative office in Seoul

- o Số tài khoản giao dịch: 75.000 tài khoản

Number of trading accounts: 75.000 accounts

- o Thị phần > 0,5% đứng trong TOP 30 trên TTCK Việt Nam

Market share of > 0,5% being in TOP 30 Vietnam Securities Market

- Các mục tiêu của VNSC được xác định như sau/ Summary of key targets plan:

STT No.	Nội dung Items	2019 (Triệu đồng)	Kế hoạch 2020 2020F (Triệu đồng)	Kế hoạch 2021 2021F (Triệu đồng)	Kế hoạch 2022 2022F (Triệu đồng)
	Doanh thu hoạt động kinh doanh <i>Revenues from sales</i>	24.018,8	74.118	220.312	354.540
1	Môi giới chứng khoán <i>Brokerage</i>	0	0	8.827	9.947

2	Lãi từ các TSTC (Tự doanh) <i>Profit from financial assets (Proprietary Trading)</i>	23.841.8	20.880	27.840	27.840
3	Tư vấn tài chính <i>Financial advisory</i>	175	12.000	15.000	30.000
4	Sản phẩm tài chính cấu trúc <i>Structured Products</i>	0	39.438	152.470	253.828
5	Tư vấn đầu tư <i>Investment Advisory</i>	0	1.500	15.875	32.625
6	Doanh thu khác <i>Others</i>	2	300	300	300

(*) **Lưu ý:** Các chỉ tiêu được tổng hợp dựa trên kế hoạch kinh doanh hiện tại và kế hoạch kinh doanh mới sau khi mở văn phòng đại diện ở Seoul, Hàn Quốc. Doanh thu mới tạo ra chỉ bằng hoạt động kinh doanh tại Việt Nam, văn phòng đại diện ở Seoul không có hoạt động kinh doanh nào.

(*) **Note:** Key targets are summarized from current business plan and new business plan of opening the Seoul representative office in Korea. Additional revenues of new business plan are generated at VNSC's Head Quarter in Vietnam as representative office does not perform any revenues generating activities.

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Development strategies in medium and long term:

4.2.1 Chiến lược chung

High-level strategies:

- o Lập kế hoạch tăng trưởng doanh nghiệp rõ ràng trong tầm trung và dài hạn thông qua liên kết cùng các ngân hàng lớn nhất Việt Nam để thuận tiện cho việc chuyển tiền từ các tổ chức tín dụng ở nước ngoài về Việt Nam;

Developing strategies for business development in medium and long term through forming partnership with key banks in Vietnam to transfer funds directly from financial institutions to Vietnam;

- o Tăng cường tính hiệu quả của việc sử dụng và mở rộng nguồn vốn bằng việc tạo mối quan hệ cùng các đối tác phát hành trái phiếu;

Optimizing the efficiency of using capital and expand business capital by reaching out to potential partner bond issuers;

- Thúc đẩy mạnh hoạt động mảng môi giới và mảng tư vấn tài chính qua việc giới thiệu đến khách hàng những dịch vụ luôn cải tiến và đa dạng kết hợp cùng kiểm soát rủi ro gắt gao nhờ hệ thống kiểm soát nội bộ chặt chẽ;

Strengthening brokerage activities and financial advisory by diversifying products and improved quality services combined with strict risk management by enhancing corporate governance and risk control systems, especially in financial management.

- Củng cố năng lực của đội ngũ nhân viên thông qua chương trình đào tạo thường xuyên, đặc biệt là cho mảng Môi giới. Thêm vào đó, KPI được đặt cho từng bộ phận và cá nhân khác nhau để tăng tính thi đua trong tập thể. Nhân viên IT sẽ được tuyển dụng để bổ sung vào vị trí trống hiện tại. Trong trường hợp cần thiết công ty sẽ tuyển dụng thêm nhân viên để hỗ trợ lượng công việc tăng thêm.

Building capacity and staff performance through regular staff training programs especially for Brokerage team. KPI to be set for each departments and individuals. IT staff to be hired to fill in the position. In case of necessity, extra employees will be in recruitment to keep up with the workflow.

4.2.2 Chiến lược kinh doanh để đạt được các mục tiêu về doanh thu đã xác định

Planned business strategies to obtain the key targets set above:

- Môi giới chứng khoán/ Brokerage:
 - Môi giới khách hàng doanh nghiệp/ Institutional Brokerage:
 - VNSC cung cấp cho khách hàng dịch vụ giao dịch cao cấp, các cơ hội gặp gỡ doanh nghiệp và các nghiên cứu chuyên sâu.
VNSC delivers superior sales and trading, corporate access and responsive research for clients
 - Tự doanh/ Proprietary Trading:
 - Tài sản nợ/ Fixed Income:
 - VNSC có thể phân bổ một phần của nguồn vốn hiện tại vào tài sản nợ, cụ thể là bắt đầu với tiền gửi có kì hạn và/hoặc chứng chỉ tiền gửi.
 - *VNSC shall allocate a portion of current capital in fixed income, particularly starting with Terms Deposit and/or Certificate of Deposits.*
- Đầu tư vào tài sản vốn/ Equity Investment:

Phụ thuộc vào tình hình thị trường, VNSC có thể đầu tư vào các tài sản vốn.
Depends on the market situation, VNSC shall invest in relevant assets.

 - Liên quan đến các nhà đầu tư chiến lược, VNSC có thể tham gia đầu tư cùng các nhà đầu tư chiến lược tùy vào khả năng tài chính và tiêu chí đầu tư nội bộ.
Related to buyout investors, VNSC will assess if VNSC can invest alongside with the buyout investors in terms of financial capabilities and internal investment criteria.

- Liên quan đến hoạt động tự doanh, VNSC có thể xem xét đầu tư vào các tài sản có rủi ro cao hơn tùy thuộc vào tình hình thị trường vào từng thời kỳ nhất định.
Related to self-trading, VNSC shall consider a number of riskier assets (e.g. stocks) to invest based on market situation at respective time
- Tài chính doanh nghiệp/ *Corporate Finance*:
 - Tư vấn tài chính/ *Financial Advisory*:
 - Thấu hiểu nhu cầu của doanh nghiệp và đường lối của khách hàng để chọn ra mục tiêu M&A phù hợp nhất cho khách hàng.
Understand the business demand and strategy of target clients to find the appropriate targeting company for M&A.
 - Hướng dẫn khách hàng cận kề quá trình và thủ tục M&A, tái cơ cấu công ty và chiến lược.
Advise clients through M&A procedures, company restructure and strategy.
 - Tư vấn đầu tư/ *Investment Consultancy*:
 - Tư vấn các giao dịch M&A cho các công ty con
Bold-on acquisition for the investees
 - Chỉ định nhân sự thông qua việc sàng lọc, phỏng vấn để tuyển dụng các vị trí chủ chốt cho các công ty con để phát triển doanh nghiệp
Human resource injection through screening, interviewing and injecting key persons into the investee for growing the business.
 - Sử dụng hiệu quả nguồn vốn hiện hữu và huy động vốn trong tương lai.
Capital structure optimization and capital raising (if needed).
- Sản phẩm tài chính cấu trúc/ *Structured Products*:
 - Cung cấp các tài liệu chào bán cho các khách hàng tiềm năng;
Providing marketing materials to potential clients;
 - Hợp tác cùng khách hàng xuyên suốt quá trình thẩm định;
Coordinating investors through due diligence processes (if required);
 - Hợp tác chặt chẽ với các công ty quản lý quỹ để hoàn thiện quy trình, giấy tờ cần thiết cho các giao dịch liên quan đến các sản phẩm của công ty.
Working with AMC to align on related Transaction Documents for product launching.

4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty
Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.

- Khi Vina Securities bắt đầu tạo ra các cơ hội và giá trị kinh doanh như một công ty chứng khoán, điều quan trọng là phải nhận thức được tác động của doanh nghiệp đối với xã hội và do đó, thiết lập một tiêu chuẩn cho môi trường doanh nghiệp, xã hội và sự bền vững của cộng đồng. Chứng khoán Vina phấn đấu xây dựng một tổ chức lành mạnh, bền vững với các giá trị cốt lõi: Kiến thức, Chính trực và Chuyên nghiệp.

As Vina Securities begins to create business opportunities and values as a securities firm, it is critical to be aware of the impact that the business makes to the society and therefore, establish a standard for the corporate environment, society, and the sustainability of our community. Vina Securities strives to build a healthy, sustainable organization with our core values in practice: Knowledge, Integrity, and Professionalism.

- o Knowledge/ Kiến thức

- Chúng tôi cảm thấy rằng việc hiểu biết về các vấn đề mà chúng tôi đang phải đối mặt trong cộng đồng là một điều tối quan trọng. Nhận thức được môi trường thay đổi nhanh chóng của xã hội, Vina Securities nhằm mục đích liên tục nghiên cứu các vấn đề hiện tại và sử dụng các nguồn lực của chúng tôi để mang lại tác động tích cực cả ở tầm doanh nghiệp và cộng đồng.
- *We feel that it is a paramount importance to be knowledgeable about the issues that we are facing in our communities. Being aware of the rapidly changing environment of the society, Vina Securities aim to continuously study the current issues and utilize our resources to bring positive impact both in our workplaces and communities.*

- o Integrity/ Chính trực

- Chúng tôi tin rằng các hoạt động kinh doanh của chúng tôi phản ánh cá nhân cũng như xã hội chúng ta. Chúng tôi cố gắng trở thành một tổ chức tận tâm để không chỉ tối đa hóa lợi nhuận cổ đông trực tiếp mà còn tạo ra những tác động tích cực đến các cộng đồng mà chúng ta đang sống.

We believe that our business practices are reflective of who we are as individual as well as a society. We strive to become an organization that is dedicated to not only maximizing our direct shareholder's return but also creating positive impacts to the communities we live in.

- o Chuyên nghiệp/ Professionalism

- Chúng tôi tìm cách thúc đẩy một cộng đồng toàn diện và minh bạch trong công sở bằng cách tuân thủ quy tắc đạo đức và luật áp dụng của công ty. Tất cả các thành viên của tổ chức, bao gồm các cổ đông, HĐQT, nhân viên và cộng sự của Vina Securities có trách nhiệm thể hiện đạo đức làm việc mạnh mẽ và là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng.

We seek to promote an inclusive and transparent community within the workplace by adhering to the company's code of ethics and applicable law. All members of the organization, including shareholders, BOD, employees, and partners of Vina Securities are responsible for demonstrating strong work ethics and be a responsible member of our community.

5. Các rủi ro/ Risks:

- Rủi ro Kinh Tế/ Economic risks

- o Điều kiện kinh tế vĩ mô đóng vai trò chủ đạo trong sự phát triển của các tổ chức. Rủi ro kinh tế có thể miêu tả là rủi ro hệ thống gây ra bởi các yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố chính có tác động lớn đối với hoạt động kinh doanh bao gồm: i) tăng trưởng kinh tế; ii) tỷ lệ lạm phát và iii) lãi suất.

The macroeconomic condition plays a dominant role in the development of organizations. Economic risk is characterized as a systematic risk resulted from macro components, in which major factors that are significant on business operation include: i) economic development; ii) inflation rate and iii) interest rate.

- Rủi ro hoạt động/ Operational risks

- o Các quy trình nội bộ, con người hoặc hệ thống không đầy đủ hoặc hỏng hóc, có thể dẫn đến rủi ro hoạt động của Công ty, và do đó tổn thất tài chính. Một trong những rủi ro hoạt động nội tại là rủi ro công nghệ vì lỗi hệ thống giao dịch, cơ sở hạ tầng viễn thông và kết nối với các đối tác và các tổ chức tài chính khác được thuê ngoài từ một bên độc lập hoặc nhà cung cấp bên thứ ba. Rủi ro cũng có thể phát sinh từ hành vi sai trái hoặc sơ suất và gian lận của nhân viên, có thể dẫn đến các cuộc điều tra và buộc tội dân sự hoặc hình sự, xử phạt theo quy định và tổn hại nghiêm trọng về uy tín hoặc tài chính của công ty.

Inadequate or failed internal processes, people or systems might lead to the Company's operational risk, hence financial losses. One of inherent operational risks is technological risk as the Company's trading system core, telecommunication infrastructure and interconnectivity with counterparties and other financial institutions are outsourced from an independent party, third-party suppliers. The risk could also arise from employee misconduct or negligence and fraud, which could result in civil or criminal investigations and charges, regulatory sanctions and serious reputational or financial harm.

- Rủi ro môi trường/ Environmental Risks

- o Hoạt động của Công ty cũng có thể bị ảnh hưởng bởi thiên tai như động đất, dịch bệnh, lũ lụt và các thảm họa khác, có thể gây thiệt hại cho tài sản cũng như hoạt động của Công ty.

The Company's operations may also be affected by natural disasters such as earthquakes, epidemics, flooding and other catastrophes, which could cause damage to the property as well as the operation of the Company.

- o Dịch bệnh COVID-19 là một sự kiện thiên nga đen có thể gây thiệt hại lớn cho tăng trưởng GDP của Việt Nam, do đó tác động tới hoạt động của Công ty. Theo Ngân hàng Thế giới, tăng trưởng GDP được dự báo sẽ giảm xuống còn 6,3% vào năm 2020 từ mức 7% vào năm 2019, giả sử đỉnh điểm bùng phát COVID-19 rơi vào cuối Quý 1 2020, kết hợp các giả định về tăng trưởng ở Trung Quốc và các nơi khác.

COVID-19 epidemic is a black-swan event that could cause dramatic damage to Vietnam's GDP growth, hence the Company's operations. According to World Bank,

GDP growth is forecasted to weaken to 6.3% in 2020 from 7% in 2019, assuming the COVID-19 outbreak peaks in Q1-2020 and incorporating assumptions about growth in China and elsewhere.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM OPERATIONS SITUATION IN THE YEAR

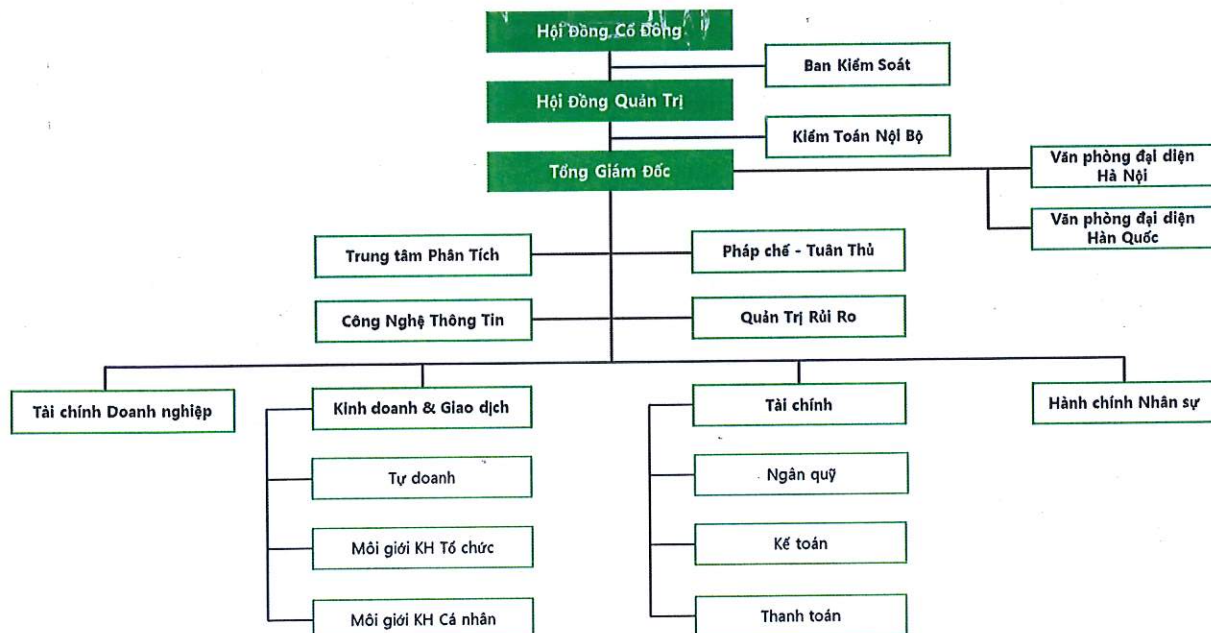
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh Production and business operation

- Trong năm 2019, nền kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định theo hướng tích cực, đặc biệt là thị trường vốn, thị trường trái phiếu doanh nghiệp. Tận dụng được lợi thế đó Công ty tiếp tục cố gắng tối đa hóa doanh thu và lợi nhuận để đảm bảo cân đối chi phí vận hành đồng thời chuẩn bị đà phát triển cho Công ty từ năm 2020.

In 2019, the macro economy positively continues to stabilize, especially the capital market and the corporate bond market. Taking advantage of that, the Company continues to try to maximize revenue and profits to ensure the balance of operating costs while creating a development momentum for the Company in 2020.

2. Tổ chức và nhân sự/ Organization and personnel

2.1 Cơ cấu tổ chức/ Organization Chart



2.2 Danh sách Ban điều hành/ List of the Board of Management:

- Ban Điều hành của VinaSecurities bao gồm các thành viên sau:
Board of Management of Vina Securities include:

- Ông/Mr. Hoàng Minh Sơn Tổng Giám Đốc kiêm đại diện Văn phòng Hà Nội
General Director cum Representative of Hanoi Office
- Bà/Mrs. Vũ Thị Trâm Anh Kế toán trưởng/ Chief Account

- Ông Hoàng Minh Sơn, quốc tịch Việt Nam, có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị, tài chính và công nghệ thông tin. Trước khi gia nhập Vina Securities vào tháng 10/2016, ông Sơn đã từng nắm giữ các chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc tài chính của Công ty Cổ phần OTC Việt Nam, Công ty Cổ phần quản lý đầu tư Chuyên Nghiệp, Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Kim Hà. Ông Sơn tốt nghiệp Kỹ sư Công nghệ thông tin tại Trường đại học Bách khoa Hà Nội đồng thời nắm giữ Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ tại Trung tâm nghiên cứu Khoa học và đào tạo Chứng khoán.

Mr. Hoang Minh Son, Vietnamese national, has over 10 years of experience in the fields of management, finance and information technology. Before joining Vina Securities in October 2016, Mr. Son held the position of Chairman of the Board of Directors and CFO of OTC Vietnam JS., Professional Investment Management JSC and Kim Ha Consulting and Investment JSC. Mr. Son graduated from Hanoi University of Technology with a Bachelor of Information Technology Engineering and currently holds a Fund Management Practice Certificate at the Securities Research and Training Center.

- Bà Vũ Thị Trâm Anh, quốc tịch Việt Nam hiện đang giữ chức vụ Kế toán trưởng của VinaSecurities. Trước đây, bà đã từng là Kế toán trưởng của nhiều công ty lớn với hơn 15 năm kinh nghiệm nắm giữ nhiều vai trò liên quan đến kế toán, báo cáo tài chính và thuế. Bà tốt nghiệp bằng Cử nhân ngành Kế toán Kiểm toán của trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Ms. Vu Thi Tram Anh, Vietnamese national, currently holds the position of Chief Accountant of Vina Securities. Previously, she used to be the Chief Accountant of many large companies with more than 15 years of experience in many roles related to accounting, financial reporting and taxation. She graduated with a bachelor's degree in Accounting and Auditing from University of Economics in Ho Chi Minh City.

Các thành viên ban điều hành được hưởng thu nhập bao gồm tiền lương và các chế độ bảo hiểm như mọi nhân viên làm việc tại Vina Securities, ngoài ra không có quyền lợi gì khác.

All members of the board are entitled to salary and other insurance policies similarly to all other employees at Vina Securities, and no other benefits.

2.3 Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management:*

Bổ nhiệm bà Vũ Thị Trâm Anh giữ chức Kế toán trưởng thay cho bà Đinh Thị Thảo từ ngày 23/10/2019

Ms. Vu Thi Tram Anh was appointed as Chief Accountant in place of Ms. Dinh Thi Thao from 23/10/2019

2.4 Cán bộ, nhân viên/ *Staffs and Policies*

- Năm 2019 đánh dấu một cột mốc quan trọng trong chính sách đối với người lao động của Vina Securities từ việc chuyển đổi vốn chủ sở hữu hoàn toàn sang vốn đầu tư Hàn Quốc.

Vina Securities đã và đang xây dựng lại chế độ, chính sách nhân sự cho phù hợp với sự thay đổi quan trọng này.

The year 2019 marks an important milestone in the HR policy of Vina Securities from the conversion of 100% of owners' equity to Korean. Vina Securities has been rebuilding the regime and HR policies to suit this important change.

2.4.1 Tuyển dụng/ Recruitment:

- Việc thiết lập lại thương hiệu bắt đầu ngay từ hoạt động tuyển dụng bằng cách tạo dựng mối quan hệ với các công ty tư vấn tuyển dụng hàng đầu như Robert Walters, RGF, Adecco... để tiếp cận tới những ứng viên có trình độ, năng lực và kinh nghiệm phù hợp với định hướng cũng như đường lối của Công ty.

The rebranding starts right from the recruitment process by building relationships with leading headhunt companies like Robert Walters, RGF, Adecco ... to reach out to qualified, competence and experience candidates consistent with the orientation and direction of the Company.

- Kết quả tuyển dụng 2019 có 24 nhân sự mới được trong năm tập trung ở đội ngũ nghiệp vụ chiếm 63% tỷ trọng, các vị trí còn lại thuộc bộ phận hỗ trợ để phù hợp hơn với đường lối quản lý mới từ nhà đầu tư nước ngoài. Tính đến thời điểm 31/12/2019, tổng số nhân sự của Công ty là 29 người trong đó trụ sở chính: 22 người và văn phòng Hà Nội: 7 người.

Recruitment results in 2019 are 24 new employees mostly for business team accounting for 63% of the proportion, the remaining positions are for supporting roles to suit with the new management of foreign investors. As of December 31, 2019, the total number of employees at VNSC is 29 people, in which head office: 22 people and Hanoi office: 7 people.

2.4.2 Đãi ngộ và phúc lợi/ Remuneration and benefits:

- Chế độ phúc lợi và đãi ngộ của Vina Securities gắn liền với tình hình kinh doanh. Với bối cảnh kinh doanh đang trong bước đầu hoạch định và lên kế hoạch, chính sách lương vượt trên mặt bằng chung của thị trường phần nào bù đắp lại cho người lao động trong thời gian đầu cũng như vừa đủ sức thu hút, khuyến khích, tạo động lực cho nhân viên, vừa đảm bảo sự công bằng cạnh tranh với các công ty khác.

The benefits and remuneration of Vina Securities are closely related to the business situation. With the business context still in the beginning of planning, the salary policy exceeding the market level partly compensates for the employees during this initial stage as well as being attractive and encouraging enough to motivate the employees while ensuring fairness and competition with other companies.

- Đặc biệt chú trọng đến việc mang lại cho người lao động những chính sách phúc lợi tạo sự gắn kết bền lâu với Công ty. Bên cạnh nghiêm ngặt tuân thủ việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của nhà nước, Vina Securities đang tìm hiểu thêm các sản phẩm bảo vệ sức khỏe người lao động đơn cử như: bảo hiểm sức khỏe toàn diện hay khám sức khỏe thường niên kết hợp tầm soát ung thư để sớm áp dụng trong 2020.

Focusing in providing the employees with Benefit policies to create a long-term connection with the Company; in addition to strict compliance with the social insurance, health

insurance and unemployment insurance as regulated by the Government, Vina Securities is seeking more products for the employees' health protection such as: Comprehensive health insurance or annual health checkup combined with cancer screening for early application in 2020.

- Bên cạnh đó, người lao động còn được hưởng các khoản phúc lợi bằng tiền hoặc tặng phẩm, được phân bổ đồng đều cho toàn bộ nhân sự của Công ty vào các dịp Lễ, Tết. Mặc dù vẫn đang trong giai đoạn xây dựng, có thể nói các chính sách phúc lợi đang áp dụng hiện nay là yếu tố gia tăng sự gắn kết của người lao động đối với Công ty, góp phần cho sự phát triển của Vina Securities.

In addition, the employees are also entitled to monetary or gift benefits, equally distributed to all Employees of the Company on special occasions such as public holidays and New Year events. Although it is still in the construction stage, it can be said that the current remuneration scheme is one of the factors that increases the connection of employees to the Company and contributing to the development of Vina Securities.

3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án:

Investment activities and projects

- Công ty không có hoạt động đầu tư nào nổi bật trong năm 2019.
The company has no outstanding investment activities in 2019.

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính/ *Financial situation*

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm2018	Năm2019	% tăng giảm/ % change
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	14,006,493,033	222,123,520,622	1486%
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	3,365,562,517	61,365,610,333	1723%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / <i>Profit from operating activities</i>	2,864,680,993	7,160,236,524	150%
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	-75,136,480	-618,822,972	724%
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	2,789,544,513	6,541,413,552	134%

Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	2,768,563,064	6,541,413,552	136%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i> * Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	14,006,493,033	222,123,520,622	1486%
Doanh thu/ <i>Revenue</i>	3,365,562,517	61,365,610,333	1723%
Thuế và các khoản phải nộp/ <i>Taxes and payables</i>	170,965,152	2,759,439,115	1514%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>After tax profit</i>	2,768,563,064	6,541,413,552	136%

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Major financial benchmarks*

Chỉ tiêu/ <i>Items</i>	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú/ <i>Note</i>
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio:</i> Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn <i>Short term Asset/ Short term debt</i>	6849%	179%	
+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio:</i> Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn <i>Short term Asset - Inventories</i> <i>Short term Debt</i>	6849%	179%	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i>			
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản (<i>Debt/ Total assets ratio</i>)	1%	51%	
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/ Owners' Equity ratio</i>)	1%	104%	

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operation capability Ratio</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover:</i>	0	0	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)	0	0	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>)	24%	28%	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Target on Profitability</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	82%	11%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	20%	6%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	20%	3%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)	85%	12%	
Chỉ tiêu/ <i>Figures</i>	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú/<i>Note</i>
1. Quy mô vốn/ <i>Capital scale</i>			
- Vốn điều lệ/ <i>Charter Capital</i>	185,000,000,000	273,599,980,000	
- Tổng tài sản có/ <i>Total assets</i>	14,006,493,033	222,123,520,622	
- Tỷ lệ an toàn vốn/ <i>Capital adequacy ratio</i>		197.42%	
2. Kết quả hoạt động kinh doanh/ <i>Operating results</i>			
- Doanh số huy động tiền gửi/ <i>Cash deposits</i>			

- Doanh số cho vay/ <i>Lendings</i>			
- Doanh số thu nợ/ <i>Debt collection</i>			
- Nợ quá hạn/ <i>Outstanding debts</i>			
- Nợ khó đòi/ <i>Bad debt</i>			
- Hệ số sử dụng vốn/ <i>Incremental Capital Output Ratio</i>			
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh (<i>Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio</i>)			
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ (<i>Overdue outstanding debts/ Total debt Ratio</i>)			
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ (<i>Bad debt/Total debt Ratio</i>)			
3. Khả năng thanh khoản/ <i>Solvency</i>			
- Khả năng thanh toán ngay/ <i>Short term solvency</i>			
- Khả năng thanh toán chung/ <i>General solvency</i>			

5. Cơ cấu cổ đông

Shareholder structure

5.1 Cổ phần

Shares

- Tổng số cổ phần: 27.359.998 cổ phần
Total number of shares: 27,359,998 shares
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông
Type of shares: common shares
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 27.359.998 cổ phần
Number of freely transferable shares: 27,359,998 shares

5.2 Cơ cấu cổ đông (tại ngày 10/03/2020)

Shareholder structure (as of March 10, 2020)

STT No.	Họ và tên/ Tên Công ty Name/Company name	Quốc tịch Nationality	SL Cổ phần nắm giữ Number of shares	Tỷ lệ Cổ phần nắm giữ Percentage of shares
1	Kim Taehyung	Hàn Quốc Korea	4,440,000	16.23%
2	Công ty TNHH Aprogen Aprogen Ltd., Co.	Hàn Quốc	3,940,000	14.40%
3	Lee Sangyup	Hàn Quốc	2,775,000	10.14%
4	Công ty TNHH Micro Tech Micro Tech Ltd., Co	Hàn Quốc	2,560,000	9.36%
5	Công ty TNHH Abpro Bio Abpro Bio Ltd., Co	Hàn Quốc	2,359,998	8.63%
6	Rha Young Chang	Hàn Quốc	1,665,000	6.09%
7	Kim Nayoung	Hàn Quốc	1,665,000	6.09%
8	Baek Sang Jun	Hàn Quốc	1,665,000	6.09%
9	Yang Seunggeun	Hàn Quốc	1,295,000	4.73%
10	Na Sungsoo	Hàn Quốc	1,295,000	4.73%
11	Kim Kye Suk	Hàn Quốc	925,000	3.38%
12	Rha Jinchul	Hàn Quốc	925,000	3.38%
13	Lee Ho Joon	Hàn Quốc	740,000	2.70%
14	Byun Jae kyung	Hàn Quốc	740,000	2.70%
15	Lee Changho	Hàn Quốc	370,000	1.35%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
Change of owner's equity

- Tháng 9/2019 Công ty hoàn tất phát hành trái phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược và được cấp phép điều chỉnh cho việc nâng vốn điều lệ từ 185.000.000.000 VNĐ lên 273.599.980.000 VNĐ.
In September 2019, the Company completed the issuance of individual bonds to strategic investors and was licensed to adjust its charter capital from VND 185,000,000,000 to VND 273,599,980,000.
- Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có giao dịch cổ phiếu quỹ.
Treasury stock transaction: no treasury stock transaction.
- Cổ tức/ chia lợi nhuận cho các cổ đông: trong năm 2019 Công ty không thực hiện chia cổ tức.

Dividends/profits shared among shareholders: In 2019, the Company does not pay dividends.

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
EVALUATION REPORT OF THE BOARD OF DIRECTORS

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Evaluating results of production and business activities
2. Tình hình tài chính
Financial situation
 - Trong năm, Công ty đã thay đổi toàn bộ cơ cấu chủ sở hữu Công ty và bắt đầu lại việc tái cơ cấu, cải tổ hoạt động nhằm đảm bảo an toàn tài chính.
During the year, the Company changed the entire ownership structure of the Company and restarted the restructuring and improving operation to ensure financial security.
 - Các khoản nợ phải trả của Công ty là nằm trong kế hoạch và đảm bảo được dự phòng thanh toán.
The Company's liabilities are within the plan and guaranteed reserved payment.
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Improvements in organizational structure, policies and management
 - Cơ cấu tổ chức mới đang được thiết lập để chuẩn bị cho việc vận hành chính thức từ năm 2021. Cơ chế vận hành và chính sách quản lý đang bắt đầu được xây dựng từng bước một.
New organizational structure is being established to prepare for official operation in 2021. Operating mechanisms and management policies are starting to be developed step by step.
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
Future development plan
 - Chiến lược kinh doanh tập trung chủ yếu vào khối khách hàng tổ chức nước ngoài. Đồng thời đẩy mạnh hợp tác với các đối tác trong nước để đem lại nguồn doanh thu cho Công ty.
Business strategy focuses primarily on foreign institutional customers. At the same time, the Company are promoting cooperation with domestic partners to create more revenue.
5. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của công ty
Evaluation of the Board of Directors on operation
 - Về các hoạt động nói chung của Công ty: Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý trực tiếp tại Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
On general activities of the Company: The Board of Directors is the direct management body at the Company, who has full authority on behalf of the Company to decide and exercise the lawful rights and interests of the Company which are not under the authority of the General Meeting of Shareholders.
 - Danh sách thành viên Hội đồng quản trị trong năm (tính đến ngày 10/03/2019)

Đối tượng <i>Object</i>	Họ và tên/Chức danh đầu kỳ	Họ và tên/Chức danh cuối kỳ	Ngày thay đổi	Lí do thay đổi
----------------------------	-------------------------------	--------------------------------	------------------	-------------------

	<i>Full name/ Position at beginning of term</i>	<i>Full name/ Position at end of term</i>	<i>Date of change</i>	<i>Cause</i>
Thành viên HĐQT/ Chủ tịch công ty <i>Member of BOD/Chairman</i>	Hoàng Minh Sơn – Chủ tịch (Chairman)	-	26/02/2019	Miễn nhiệm <i>Dismissed</i>
	Ngô Thị Thanh Nga – Thành viên (Member)	-	26/02/2019	Miễn nhiệm <i>Dismissed</i>
	Phạm Mai Anh – Thành viên (Member)	-	26/02/2019	Miễn nhiệm <i>Dismissed</i>
	Kim Taehyung – Chủ tịch (Chairman)		26/02/2019	Bổ nhiệm <i>Appointed</i>
	-	Han Mun Su – Thành viên (Member)	26/02/2019	Bổ nhiệm <i>Appointed</i>
	-	Lee Ho Joon – Thành viên (Member)	26/02/2019	Bổ nhiệm <i>Appointed</i>
	Kim Gukkhui – Thành viên (Member)		26/02/2019	Bổ nhiệm <i>Appointed</i>
	Ha Man Chong – Thành viên (Member)	-	26/02/2019	Bổ nhiệm <i>Appointed</i>
	Lee Sang Yup – Thành viên (Member)	-	26/02/2019	Bổ nhiệm <i>Appointed</i>
	Ha Man Chong – Thành viên (Member)	-	25/04/2019	Miễn nhiệm <i>Dismissed</i>
	Kim Taehyung – Chủ tịch (Chairman)	-	26/02/2019	Miễn nhiệm <i>Dismissed</i>



	Kim Gukkhui – Thành viên (Member)		16/07/2019	Miễn nhiệm <i>Dismissed</i>
	-	Kim Taehyung – Thành viên (Member)	16/07/2019	Bổ nhiệm <i>Appointed</i>
	-	Na Sungsoo – Thành viên (Member)	16/07/2019	Bổ nhiệm <i>Appointed</i>
	-	Lee Sangyup – Chủ tịch (Chairman)	16/07/2019	Bổ nhiệm <i>Appointed</i>

- Kế hoạch, định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị
Hội đồng quản trị tiếp tục là cơ quan quản lý chính của Công ty, là cơ quan quyết định tất cả các vấn đề có liên quan trực tiếp đến hoạt động của Công ty bất kể thuộc chức năng hay lĩnh vực nào.

The Board of Directors continues to be the main management body of the Company, which decides all matters directly related to the Company's operations regardless of its functions or areas.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN (đính kèm)

AUDITED FINANCIAL STATEMENTS (attached)

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE

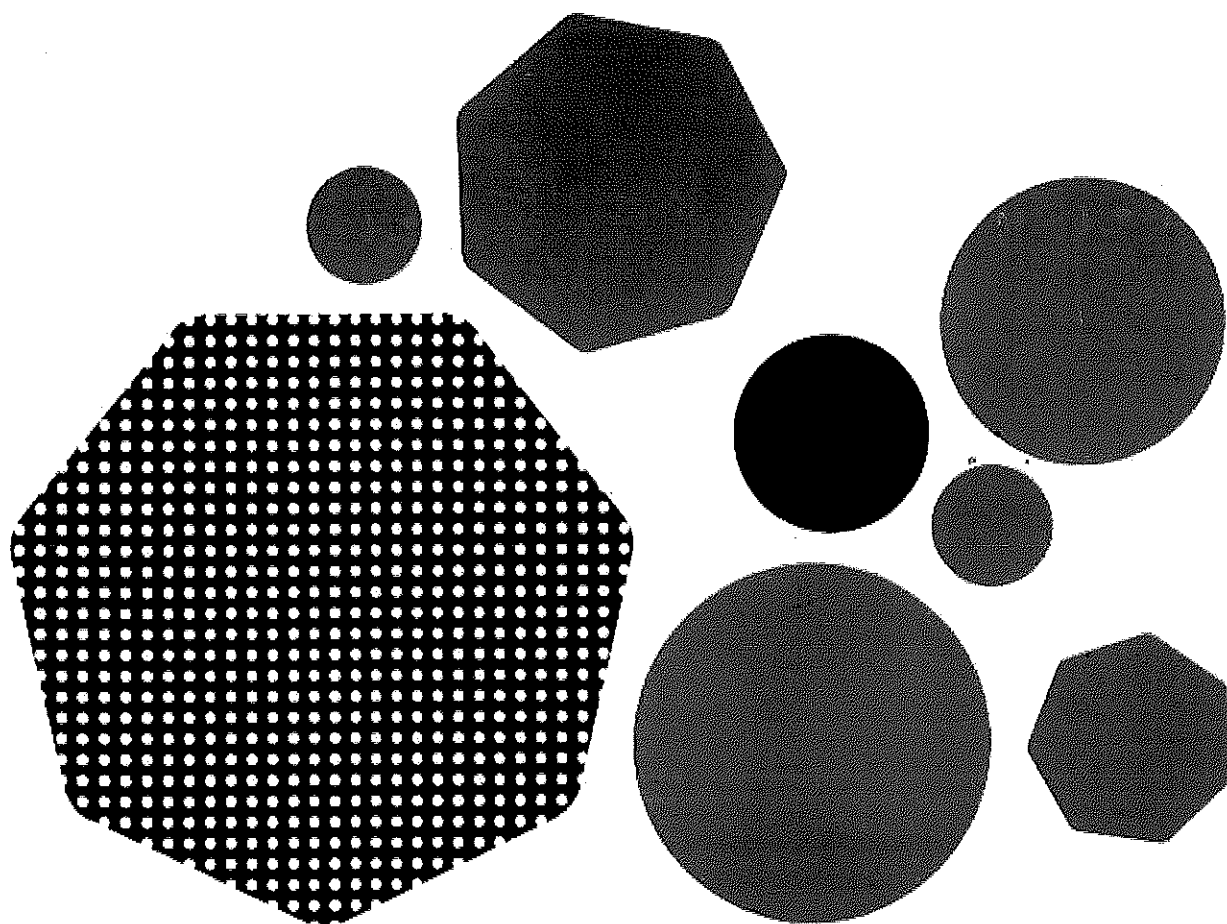


LEE SANG YUP



Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn UHY

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2019



Thành viên độc lập của Hãng UHY Quốc tế

*Giúp Khách hàng
phát triển thịnh vượng*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	9 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 12
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	13
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC	14 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2019 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lee Sang Yup	Chủ tịch	16 tháng 07 năm 2019	-
Ông Kim Taehyung	Chủ tịch	26 tháng 02 năm 2019	16 tháng 7 năm 2019
	Thành viên	16 tháng 07 năm 2019	-
Ông Han Mun Su	Thành viên	26 tháng 02 năm 2019	-
Ông Lee Ho Joon	Thành viên	26 tháng 02 năm 2019	-
Bà Kim Gukhui	Thành viên	26 tháng 02 năm 2019	16 tháng 7 năm 2019
Ông Na Sungsoo	Thành viên	16 tháng 07 năm 2019	-

Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Minh Sơn Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Bà Vũ Thị Trâm Anh Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2019)
Bà Đinh Thị Thảo Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2019)

Người đại diện theo pháp luật

Theo Giấy phép điều chỉnh số 49/GPĐC-UBCK, từ ngày 29/8/2019, người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Lee Sang Yup - Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trước đó, người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Hoàng Minh Sơn.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, quy định về quản trị Công ty theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 về việc Quy định Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng có hiệu lực từ ngày 01/08/2017 và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



[Signature]
Hồng Sang Yúp

Chủ tịch Hội đồng quản trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2020



Số: 42/2020/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019*

Kính gửi:

**Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 02 năm 2020, từ trang 6 đến trang 33, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Minh Long

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số 0666-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Lê Quang Nghĩa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số 3660-2017-112-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		199.762.593.466	13.950.671.906
TÀI SẢN TÀI CHÍNH	110		196.556.140.807	13.950.671.906
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	11.842.425.871	13.950.671.906
Tiền	111.1		6.842.425.871	13.950.671.906
Các khoản tương đương tiền	111.2		5.000.000.000	-
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	6.2	50.000.000.000	-
Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	6.1	520.251.881	-
Các khoản phải thu	117	7	134.096.921.015	-
Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		126.828.100.000	-
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		-	-
Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		7.268.821.015	-
Trả trước cho người bán	118	7	73.919.100	-
Các khoản phải thu khác	122	7	22.622.940	-
TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	130		3.206.452.659	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	8	3.014.525.159	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	134	9	191.927.500	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		22.360.927.156	55.821.127
Tài sản cố định	220		2.112.506.880	53.916.681
Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.780.340.191	-
- Nguyên giá	222		1.816.830.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(36.489.809)	-
Tài sản cố định vô hình	227	11	332.166.689	53.916.681
- Nguyên giá	228		373.000.000	73.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(40.833.311)	(19.083.319)
Tài sản dài hạn khác	250		20.248.420.276	1.904.446
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	9	2.082.644.600	-
Chi phí trả trước dài hạn	252	8	18.165.775.676	1.904.446
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		222.123.520.622	14.006.493.033

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

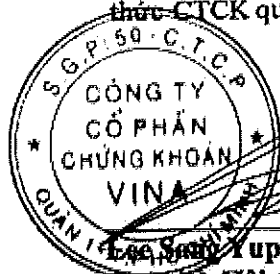
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		113.179.331.586	203.697.549
Nợ phải trả ngắn hạn	310		111.854.331.586	203.697.549
Phải trả người bán ngắn hạn	320	12	106.444.055.237	2.732.397
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	13	2.759.438.115	170.965.152
Phải trả người lao động	323		2.323.119.238	-
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		113.224.000	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	14	45.454.545	30.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		169.040.451	-
Nợ phải trả dài hạn	340		1.325.000.000	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	351		1.325.000.000	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	15	108.944.189.036	13.802.795.484
Vốn chủ sở hữu	410		108.944.189.036	13.802.795.484
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		273.599.980.000	185.000.000.000
Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		273.599.980.000	185.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		273.599.980.000	185.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		254.998.000	254.998.000
Lỗi lũy kế	417		(164.910.788.964)	(171.452.202.516)
Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		(161.888.109.415)	(164.656.672.479)
Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(3.022.679.549)	(6.795.530.037)
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		222.123.520.622	14.006.493.033

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
Tiền gửi của khách hàng	026		186.146.125	185.942.860
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		186.146.125	185.942.860
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031		186.146.125	185.942.860
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		186.146.125	185.942.860



[Signature]
Lê Sơn Túp

Chủ tịch Hội đồng quản trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2020

[Signature]
Vũ Thị Trâm Anh
Kế toán trưởng

[Signature]
Vũ Thị Trâm Anh
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu hoạt động		16	24.018.887.466	3.364.000.000
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		23.841.887.466	-
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1		23.841.887.466	-
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		175.000.000	1.028.000.000
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		-	700.000.000
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		-	1.636.000.000
Thu nhập hoạt động khác	11		2.000.000	-
Cộng doanh thu hoạt động			24.018.887.466	3.364.000.000
Chi phí hoạt động		17	31.122.325.977	108.222.291
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		27.522.353.757	-
Lỗ bán các tài sản tài chính	21.1		27.522.353.757	-
Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		2.068.767.870	-
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		98.543.434	30.701.273
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		1.432.660.916	-
Chi phí các dịch vụ khác	32		-	77.521.018
Cộng chi phí hoạt động	40		31.122.325.977	108.222.291
Doanh thu hoạt động tài chính		19	37.346.722.867	1.562.517
Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		3.896.750	-
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định phát sinh trong năm	42		37.342.826.117	1.562.517
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		37.346.722.867	1.562.517
Chi phí tài chính		20	36.506.941	-
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		19.492.681	-
Chi phí lãi vay	52		17.014.260	-
Cộng chi phí tài chính	60		36.506.941	-
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	62	18	23.046.540.891	392.659.233
Kết quả hoạt động	70		7.160.236.524	2.864.680.993

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập khác và chi phí khác			(618.822.972)	(75.136.480)
Thu nhập khác	71	21	59.003	203.574.256
Chi phí khác	72	22	618.881.975	278.710.736
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(618.822.972)	(75.136.480)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	90		6.541.413.552	2.789.544.513
Lợi nhuận đã thực hiện	91		6.541.413.552	2.789.544.513
Chi phí thuế TNDN	100	23	-	20.981.449
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		-	20.981.449
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	200		6.541.413.552	2.768.563.064
Thu nhập thuần trên cổ phiếu phổ thông	500	24	304	150
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	501		304	150



Lê Song Yup
Chủ tịch Hội đồng quản trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2020


Vũ Thị Trâm Anh
Kế toán trưởng


Vũ Thị Trâm Anh
Người lập biểu

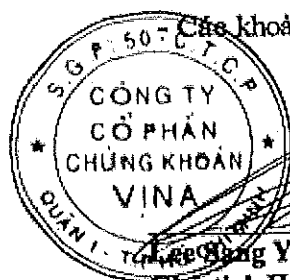
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		6.541.413.552	2.789.544.513
Điều chỉnh cho các khoản	02			
- Khấu hao TSCĐ	03		58.239.801	264.291.659
- Chi phí lãi vay	06		17.014.260	-
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	07		(37.342.826.117)	(204.687.517)
- (Lãi) tiền gửi	08		(970.554.713)	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		(31.696.713.217)	2.849.148.655
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM	32		(50.000.000.000)	-
- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS	34		(520.251.881)	-
(-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		(126.828.100.000)	-
- Giảm/ (Tăng) các khoản phải thu khác	39		(22.622.940)	4.500.000.000
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		15.454.545	-
- Giảm chi phí trả trước	42		(21.178.396.389)	4.495.661
- Thuế TNDN đã nộp	43		-	(20.981.449)
(-) Lãi vay đã trả	44		(17.014.260)	-
- (Giảm)/ Tăng phải trả cho người bán	45		106.628.415.554	(7.359.895.011)
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		113.224.000	-
- Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		2.588.472.963	5.790.921
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		2.323.119.238	-
- (Giảm) phải trả, phải nộp khác	50		1.491.177.873	(25.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(2.348.491.200)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(119.451.725.714)	(46.441.223)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(2.116.830.000)	(4.085.000.000)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		-	4.000.000.000
- Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		30.860.329.679	1.562.517
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		28.743.499.679	(83.437.483)
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71		88.599.980.000	-
Tiền vay gốc	73		4.034.533.100	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(4.034.533.100)	-
Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		(4.034.533.100)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		88.599.980.000	-
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	90		(2.108.246.035)	(129.878.706)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101		13.950.671.906	14.080.550.612
- Tiền	101.1		13.950.671.906	14.080.550.612
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	103	5	11.842.425.871	13.950.671.906
- Tiền	103.1		6.842.425.871	13.950.671.906
Các khoản tương đương tiền	103.2		5.000.000.000	-



Lê Quang Yúp
Chủ tịch Hội đồng quản trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Vũ Thị Trâm Anh
Kế toán trưởng

Vũ Thị Trâm Anh
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015219 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 26/12/2006; hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 50/UBCK-GPHNKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/12/2006, Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 49/GPĐC-UBCK ngày 29/08/2019 và; Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 65/GPĐC-UBCK ngày 25/10/2019; Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 50/GPĐC-UBCK ngày 11/9/2019 và Quyết định về việc chấp thuận thành lập văn phòng đại diện công ty chứng khoán số 01/QĐ-UBCK ngày 02/01/2020.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại P25.02, tầng 25 tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, số 33 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 50/GPĐC-UBCK ngày 11/9/2019 là 273.599.980.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/12/2019 là 273.599.980.000 đồng, tương ứng 27.359.998 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Tư vấn tài chính
- Môi giới chứng khoán
- Tự doanh chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Ngày 08/01/2016, Công ty được UBCK cấp Giấy phép điều chỉnh về thay đổi nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán. Theo đó, Công ty đã rút hoạt động môi giới chứng khoán, và lưu ký chứng khoán ra khỏi hoạt động kinh doanh chủ yếu.

Ngày 25/10/2019, Công ty được UBCK cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 65/GPĐC-UBCK. Theo đó, Công ty bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: Môi giới chứng khoán và Tự doanh chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 30 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 8 nhân viên).

Cấu trúc Công ty

Công ty có văn phòng đại diện: Văn phòng đại diện Hà Nội - Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina. Địa chỉ: Lô số F1602A, tầng 16 tòa Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Mã số thuế: 0102122617 - 002.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam “VND” và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Thực hiện kế toán công ty chứng khoán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động, báo cáo tình hình vốn chủ sở hữu và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi bù trừ và các thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty chứng khoán (CTCK) tại thời điểm báo cáo và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền.

Các khoản tiền của khách hàng được hạch toán, theo dõi tách biệt và được tổng hợp tại các chi tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính của Công ty gồm: Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý, Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng, Tiền gửi của tổ chức phát hành; Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư.

4.2 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Nguyên tắc kế toán Tài sản tài chính (TSTC) ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, TSTC sẵn sàng để bán, các khoản cho vay, nợ tài chính:

4.2.1 NGUYÊN TẮC PHÂN LOẠI TSTC VÀ NỢ TÀI CHÍNH THUỘC DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Tài sản tài chính được phân loại thành bốn loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.2.1 NGUYÊN TẮC PHÂN LOẠI TSTC VÀ NỢ TÀI CHÍNH THUỘC DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (TIẾP)

- a) **Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):** TSTC được phân loại theo FVTPL khi TSTC đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời.

Danh mục tài sản tài chính chứng khoán tự doanh FVTPL phải chấp hành quy định pháp luật chứng khoán hiện hành. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL mua vào thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được ghi sổ kế toán theo giá mua thực tế các tài sản tài chính (Đối với chứng khoán chưa niêm yết của Tổ chức phát hành) hoặc giá khớp lệnh mua, bán chứng khoán trên các Sở Giao dịch chứng khoán (Đối với chứng khoán niêm yết). Giá mua các tài sản tài chính không bao gồm các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL, như: Phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng.

TSTC được phân loại ra khỏi FVTPL trong trường hợp: TSTC là nợ cho vay hoặc khoản phải thu nếu xác định mục đích sẽ là nắm giữ trong khoản thời gian xác định trong tương lai hoặc đến khi đáo hạn hoặc TSTC là tiền gửi được phân loại sang nhóm tiền và tương đương tiền.

Các loại TSTC được phân loại nhóm khác khi bán cần phải phân loại vào FVTPL.

Các TSTC FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

- b) **Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):** HTM là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được có kỳ đáo hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các TSTC phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được CTCK xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL).
- Các TSTC phi phái sinh đã được Công ty xếp vào loại sẵn sàng để bán (AFS), và
- Các TSTC phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

- c) **Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):** AFS thuộc danh mục TSTC của CTCK là các TSTC phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là (a) Các khoản cho vay và phải thu, (b) Các khoản đầu tư TSTC AFS được phép phân loại sang nhóm: FVTPL, HTM.

- d) **Các khoản cho vay:** Các khoản cho vay thuộc Danh mục TSTC của CTCK là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.2.1 NGUYÊN TẮC PHÂN LOẠI TSTC VÀ NỢ TÀI CHÍNH THUỘC DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (TIẾP)

Rủi ro cho vay trong các nghiệp vụ cho vay theo quy định của luật chứng khoán (sau đây gọi tắt là rủi ro) là tổn thất có khả năng xảy ra đối với nợ cho vay của CTCK do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay thì phải lập dự phòng rủi ro cụ thể và dự phòng chung cho những tổn thất có thể xảy ra đối với nợ cho vay của CTCK. Công ty chứng khoán sẽ lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung.

4.2.2 NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và AFS theo giá trị thị trường và giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định của pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các TSTC. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp và mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận.

Giá thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại. Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá thị trường được xác định là giá đóng cửa được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất. Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các cổ phiếu không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành lại tại ngày 31/12/2019.

4.3 DỰ PHÒNG SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

Cuối kỳ kế toán, Công ty chứng khoán phải đánh giá tình hình suy giảm giá trị của các loại tài sản tài chính sau: Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các tài sản tài chính sẵn có để bán. Nếu phát sinh giá trị suy giảm giá trị của các loại tài sản tài chính này thì phải lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính. Giá trị lập dự phòng suy giảm giá trị tài chính ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động. Trường hợp nếu tài sản tài chính được đánh giá khôi phục mức suy giảm đã xác định trước đó, thì sẽ hoàn nhập khoản dự phòng suy giảm giá trị đã lập.

Đối với các tài sản nhận thế chấp của CTCK phải thực hiện đánh giá lại tài sản này theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (đối với trường hợp không có giá thị trường) để yêu cầu Bên đi vay bổ sung tài sản thế chấp hoặc trích lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp. Khi giá trị của tài sản nhận thế chấp bị giảm thấp hơn giá trị khoản cho vay của CTCK tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (Theo thỏa thuận hoặc cam kết tại Hợp đồng vay có tài sản thế chấp) thì phải lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp. Việc trích lập và hoàn nhập khoản dự phòng tài sản nhận thế chấp được thực hiện ở cuối kỳ kế toán. Mức lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị tài sản thuần tính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá trị khoản cho vay tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý theo thỏa thuận hoặc cam kết tại Hợp đồng vay có tài sản thế chấp đã ghi nhận trên sổ kế toán (Tài khoản không trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, xét xử đang thi hành án hoặc chết. Chi phí dự phòng được hạch toán vào “chi phí quản lý doanh nghiệp” trong kỳ.

Đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán, Công ty trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

4.5 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC VÀ DỰ PHÒNG SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết, góp vốn vào các công ty cổ phần nắm giữ dưới 20% vốn, không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá gốc chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Khoản đầu tư mà nhà đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (Tương tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh);
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, nếu Công ty chứng khoán hạch toán khoản đầu tư này theo phương pháp giá gốc, thì việc lập dự phòng được căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư theo quy định của cơ chế tài chính.

Nguyên tắc kế toán dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư dài hạn:

- Đối với các đơn vị được đầu tư là công ty mẹ, căn cứ để nhà đầu tư trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ đó. Đối với các đơn vị được đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để nhà đầu tư trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là Báo cáo tài chính của bên được đầu tư đó.
- Việc trích lập và hoàn nhập khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

	Năm
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Phần mềm kế toán	03 - 08

4.7 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP KẾ TOÁN CÁC PHẢI THU NGẮN HẠN, DÀI HẠN

Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu bán các TSTC: Toàn bộ giá trị phải thu bán các TSTC thuộc danh mục TSTC của CTCK phải theo dõi qua chỉ tiêu "Phải thu bán các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC: tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính thuộc danh mục TSTC của CTCK phát sinh trong kỳ đều được theo dõi tại chỉ tiêu "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng phải thu khó đòi: Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán những tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được phản ánh vào Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán" trong kỳ. Mức lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo quy định của cơ chế tài chính hiện hành.

4.8 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.9 CÁC QUỸ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2014 về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bất buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị Quyết của Đại hội cổ đông.

4.10 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu của Công ty được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty xác định khả năng chắc chắn thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này: khi giao dịch chứng khoán đã thành công, dịch vụ đã cung cấp và chuyển giao phần lớn lợi ích cũng như rủi ro cho khách hàng, được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa theo mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán: được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.11 GHI NHẬN CHI PHÍ

Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm: khoản lỗ bán chứng khoán tự doanh, các chi phí thực tế phát sinh có liên quan đến việc thực hiện doanh thu của các hoạt động môi giới chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán và các hoạt động khác. Chi phí phát sinh trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính. Căn cứ vào thời điểm ghi nhận doanh thu nêu trên, Công ty kết chuyển chi phí kinh doanh chứng khoán tương ứng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.13 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty hoặc chịu sự kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể của Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được thể hiện thông qua quyền biểu quyết trong việc ra các quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý. Theo đó, các bên liên quan của các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty, các Cổ đông lớn của Công ty và các đối tác có giao dịch lớn trong năm với Công ty.

4.14 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty có hoạt động kinh doanh chính liên quan đến tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính, môi giới chứng khoán và tự doanh chứng khoán. Các hoạt động này được thực hiện theo một quy trình chung và hoạt động trên một khu vực địa lý duy nhất (tại trụ sở chính của Công ty). Do đó, theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty không cần lập Báo cáo bộ phận.

4.15 MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là hỗ trợ tài chính cho hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản hợp tác kinh doanh, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi kỳ hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty còn nắm giữ các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán. Công ty không nắm giữ hoặc phát hành các công cụ tài chính phái sinh.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty có hệ thống kiểm soát mức cân đối có thể chấp nhận được giữa chi phí rủi ro và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc theo dõi liên tục quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo mức cân đối phù hợp giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét thống nhất các chính sách quản lý những rủi ro này như tổng hợp dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.15 MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP)

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có hai loại rủi ro: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản hợp tác kinh doanh, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản nợ phải trả tài chính. Những khoản đầu tư này phần lớn là ngắn hạn và không được nắm giữ với mục đích đầu cơ.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Độ nhạy lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy lãi suất do mức độ rủi ro lãi suất của Công ty là nhỏ hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá cổ phần

Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.15 MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Đầu tư chứng khoán nợ

Rủi ro tín dụng liên quan đến đầu tư chứng khoán nợ dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty về đầu tư chứng khoán. Tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng đối với chứng khoán nợ trên cơ sở thông tin về tình hình thị trường và

khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Các khoản phải thu khách hàng của Công ty thuộc một số lượng lớn khách hàng đa dạng và có tài sản bảo đảm đối ứng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Kế toán và bộ phận Nguồn vốn theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các thành phần trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết Minh số 5. Công ty đánh giá rủi ro tập trung về tín dụng liên quan đến tiền gửi ngân hàng ở mức thấp.

RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền	6.842.425.871	13.950.671.906
Tiền mặt	20.859.327	26.197.140
Tiền gửi ngân hàng	6.821.566.544	13.924.474.766
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	5.000.000.000	-
Cộng	11.842.425.871	13.950.671.906

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

6.1 TÀI SẢN TÀI CHÍNH SẴN SÀNG ĐỂ BÀN (AFS)

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Trái phiếu chưa niêm yết	520.251.881	520.251.881	-	-
Cộng	520.251.881	520.251.881	-	-

6.2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (HTM)

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	50.000.000.000	-
Cộng	50.000.000.000	-

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu bán các khoản đầu tư	126.828.100.000	-
<i>a. Ngắn hạn</i>	<i>126.828.100.000</i>	<i>-</i>
Phải thu bán các tài sản tài chính	126.828.100.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest (*)	126.828.100.000	-
<i>b. Dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Các khoản phải thu và dự thu	7.268.821.015	-
Dự thu tiền lãi - Lãi tiền gửi có kỳ hạn cố định	786.324.577	-
Dự thu tiền lãi khác	6.482.496.438	-
Trả trước cho người bán	73.919.100	-
Filament Media & Design Agency Pte Ltd	73.919.100	-
Phải thu khác	22.622.940	-
Thuế TNCN phải trả	22.622.940	-
Cộng	134.193.463.055	-

(*) Khoản phải thu theo Hợp đồng mua bán trái phiếu của Công ty TNHH Mặt trời Sông Hàn giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina và Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest phát sinh trong tháng 12 năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	3.014.525.159	-
· Công cụ, dụng cụ xuất dùng	131.546.720	-
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	2.882.978.439	-
Chi phí trả trước dài hạn	18.165.775.676	1.904.446
· Công cụ, dụng cụ xuất dùng	683.767.197	-
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	17.482.008.479	1.904.446
Cộng	21.180.300.835	1.904.446

9. CÀM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ CƯỢC, KÝ QUỸ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	191.927.500	-
Ký quỹ đặt cọc thuê máy photocopy, xe ô tô, thẻ Grab	191.927.500	-
Dài hạn	2.082.644.600	-
Ký quỹ đặt cọc thuê nhà	2.082.644.600	-
Cộng	2.274.572.100	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2019	-	-	-
Mua trong năm	1.463.809.091	353.020.909	1.816.830.000
31/12/2019	<u>1.463.809.091</u>	<u>353.020.909</u>	<u>1.816.830.000</u>
HAO MÒN LUYỄN KẾ			
01/01/2019	-	-	-
Khấu hao trong năm	(12.198.409)	(24.291.400)	(36.489.809)
31/12/2019	<u>(12.198.409)</u>	<u>(24.291.400)</u>	<u>(36.489.809)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2019	-	-	-
31/12/2019	<u>1.451.610.682</u>	<u>328.729.509</u>	<u>1.780.340.191</u>

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2019	73.000.000	73.000.000
Mua trong năm	300.000.000	300.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-
31/12/2019	<u>373.000.000</u>	<u>373.000.000</u>
HAO MÒN LUYỄN KẾ		
01/01/2019	(19.083.319)	(19.083.319)
Trích khấu hao trong năm	(21.749.992)	(21.749.992)
31/12/2019	<u>(40.833.311)</u>	<u>(40.833.311)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2019	<u>53.916.681</u>	<u>53.916.681</u>
31/12/2019	<u>332.166.689</u>	<u>332.166.689</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	106.444.055.237	2.732.397
- Công ty TNHH Emergent Cold Việt Nam	3.705.293	2.732.397
- Công ty Cổ phần OTC Việt Nam	131.000.000	-
- Công ty CP Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam - CN Quy Nhơn	187.634.000	-
- Ông Phạm Tài Trường (*)	103.932.054.795	-
- Ông Đoàn Văn Long (*)	2.078.641.096	-
- Đối tượng khác	111.020.053	-
Cộng	106.444.055.237	2.732.397

(*) Khoản phải trả theo Hợp đồng mua trái phiếu của Công ty TNHH Mặt trời Sông Hàn giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina và Ông Phạm Tài Trường, Ông Đoàn Văn Long lần lượt theo Hợp đồng số 20001020719/MTP/ BOND.SHR10 ngày 30/12/2019 và Hợp đồng số 20003100719/MTP/ BOND.SHR02 ngày 16/12/2019.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	100.000	160.345.152
Thuế Thu nhập cá nhân	2.759.338.115	10.620.000
Cộng	2.759.438.115	170.965.152

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Trích trước chi phí khác	45.454.545	30.000.000
Cộng	45.454.545	30.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ đông	31/12/2019		01/01/2019	
	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %
Ông Baek Sang Jun	16.650.000.000	6,09%	16.650.000.000	9,00%
Ông Han Mun Su	-	0,00%	16.650.000.000	9,00%
Bà Kim Nayoung	16.650.000.000	6,09%	16.650.000.000	9,00%
Ông Byun Jae Kyung	7.400.000.000	2,70%	16.650.000.000	9,00%
Bà Joo Hyejung	-	0,00%	16.650.000.000	9,00%
Ông Lee Ho Joon	7.400.000.000	2,70%	16.650.000.000	9,00%
Bà Kim Gukhui	-	0,00%	40.700.000.000	22,00%
Ông Kim Taehyung	44.400.000.000	16,23%	44.400.000.000	24,00%
Ông Na Sungsoo	12.950.000.000	4,73%	-	0,00%
Ông Lee Sangyup	27.750.000.000	10,14%	-	0,00%
Ông Rha Young Chang	16.650.000.000	6,09%	-	0,00%
Ông Rha Jin Chul	9.250.000.000	3,38%	-	0,00%
Bà Kim Kye Suk	9.250.000.000	3,38%	-	0,00%
Ông Lee Changho	3.700.000.000	1,35%	-	0,00%
Ông Yang Seunggeun	12.950.000.000	4,73%	-	0,00%
Tập đoàn Aprogen KIC	39.400.000.000	14,40%	-	0,00%
Công ty cổ phần Ugint	23.599.980.000	8,63%	-	0,00%
Công ty cổ phần Mikro Tech	25.600.000.000	9,36%	-	0,00%
Cộng	273.599.980.000	100,00%	185.000.000.000	100,00%

15.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	185.000.000.000	185.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	88.599.980.000	-
+ Vốn góp cuối năm	273.599.980.000	185.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

15.3 CỔ PHIẾU

	31/12/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.359.998	18.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.359.998	18.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	27.359.998	18.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.359.998	18.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	27.359.998	18.500.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL (*)	23.841.887.466	-
Doanh thu Đại lý phát hành chứng khoán	175.000.000	1.028.000.000
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-	700.000.000
Doanh thu dịch vụ tư vấn tài chính	-	1.636.000.000
Thu nhập hoạt động khác	2.000.000	-
Cộng	24.018.887.466	3.364.000.000

(*) Lãi phát sinh khi chênh lệch tăng giữa giá bán và giá vốn bình quân của trái phiếu của Công ty TNHH Mặt trời Sông Hàn và Công ty Cổ phần Vinhomes chưa niêm yết bán ra, giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina với các cá nhân, tổ chức trong năm.

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nhân công	803.731.507	93.200.000
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL (*)	27.522.353.757	-
Khấu hao và hao mòn TSCĐ	90.000.000	-
Các dịch vụ thuê ngoài	1.265.036.363	-
Chi phí tư vấn tài chính	1.432.660.916	-
Chi phí khác	8.543.434	15.022.291
Cộng	31.122.325.977	108.222.291

(*) Lỗ phát sinh khi chênh lệch giảm giữa giá bán và giá vốn bình quân của trái phiếu của Công ty TNHH Mặt trời Sông Hàn và Công ty Cổ phần Vinhomes chưa niêm yết bán ra, giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina với các cá nhân, tổ chức trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	9.333.187.656	250.400.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	48.239.801	11.166.659
Chi phí thuế, phí và lệ phí	23.083.334	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.372.572.814	102.260.666
Chi phí bằng tiền khác	7.269.457.286	25.831.908
Cộng	23.046.540.891	392.659.233

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã thực hiện	3.896.750	-
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	54.704.309	1.562.517
Lãi trái phiếu (*)	37.288.121.808	-
Cộng	37.346.722.867	1.562.517

(*) Lãi trái phiếu Công ty TNHH Mặt trời Sông Hàn từ ngày 10/06/2019 đến ngày 31/12/2019 và lãi trái phiếu Công ty Cổ phần Vinhomes từ ngày 05/08/2019 đến 05/11/2019. Theo điều khoản các Hợp đồng mua bán trái phiếu giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina với các cá nhân, tổ chức, Công ty được hưởng phần lãi trái phiếu trong giai đoạn này.

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	19.492.681	-
Chi phí lãi vay	17.014.260	-
Cộng	36.506.941	-

21. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	-	203.125.000
Thu nhập khác	59.003	449.256
Cộng	59.003	203.574.256

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí khấu hao TSCĐ không tham gia hoạt động kinh doanh	-	253.125.000
Chi phí nộp phạt thuế	615.326.750	25.585.736
Chi phí khác	3.555.225	-
Cộng	618.881.975	278.710.736

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.541.413.552	2.789.544.513
- Các khoản điều chỉnh tăng	615.326.750	278.710.736
Chi phí không được trừ	615.326.750	278.710.736
<i>Nộp phạt vi phạm hành chính Thuế</i>	615.326.750	25.585.736
<i>Khấu hao TSCĐ vô hình không tham gia hoạt động kinh doanh</i>	-	253.125.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	(37.288.121.808)	-
<i>Cổ tức nhận được</i>	(37.288.121.808)	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(30.131.381.506)	3.068.255.249
Lỗi năm trước chuyển sang	-	(3.068.255.249)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN bị truy thu	-	20.981.449
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	20.981.449

Lỗi dùng để tính bù trừ vào thu nhập chịu thuế cho các năm sau được tính như sau:

Năm phát sinh	Quyết toán thuế	Lỗi được khấu trừ thuế ước tính	Chuyển lỗi	Hết hạn	Lỗi được khấu trừ thuế mang sang ước tính	Năm hết hạn
		VND	VND	VND	VND	
2014	Đã quyết toán	1.979.129.086	-	-	1.979.129.086	2019
2015	Đã quyết toán	5.575.786.558	-	-	5.575.786.558	2020
2016	Đã quyết toán	1.888.474.924	-	-	1.888.474.924	2021
		9.443.390.568	-	-	9.443.390.568	

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong báo cáo tài chính đính kèm cho các khoản lỗi chịu thuế nói trên vì khả năng Công ty có đủ thu nhập chịu thuế để sử dụng khoản lỗi được khấu trừ thuế nêu trên là không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	6.541.413.552	2.768.563.064
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	6.541.413.552	2.768.563.064
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	21.509.972	18.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	304	150

Số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành

	Năm 2019 CP	Năm 2018 CP
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	18.500.000	18.500.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm	8.859.998	-
Phát hành ngày 30/8/2019	8.859.998	-
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	21.509.972	18.500.000

25. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc	7.824.730.389	96.000.000
Cộng	7.824.730.389	96.000.000

Giao dịch với bên liên quan

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Gốc vay Hội đồng quản trị	4.034.533.100	-
Lãi vay Hội đồng quản trị	17.014.260	-
Cộng	4.051.547.360	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán.




Lê Sang Yup

Chủ tịch Hội đồng quản trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Vũ Thị Trâm Anh
Kế toán trưởng

Vũ Thị Trâm Anh
Người lập biểu

